

Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ

A, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 27, 33, 37, 59, 60, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14/5/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024 “Về việc tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung gồm có:

2.1.1. Một ngôi nhà xây cấp 4, có diện tích 98,9m², trên diện tích đất 150m² (diện tích thực tế 147,3m²), thửa đất số 32a (32), tờ bản đồ 38 (02) tại Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 910314 do UBND thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/3/2014 mang tên Nguyễn Văn H và Mai Thị T. Giá trị tài sản là: 750.968.000 đồng.

2.1.2. Quyền sử dụng đất có diện tích 96m², thửa đất số 744, tờ bản đồ số 9 tại Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 576047 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 12/8/2021 mang tên Nguyễn Văn H và Mai Thị T. Giá trị tài sản là: 172.800.000 đồng.

2.2. *Về chia tài sản chung*: Tổng giá trị tài sản chung là 923.768.000 đồng chia đôi cho chị T và anh H. Chị T nhận quyền sử dụng đất có diện tích 96m²,

thửa đất số 744, tờ bản đồ số 9 tại Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Anh H nhận ngôi nhà xây cấp 4, có diện tích 98,9m², trên diện tích đất 150m² (diện tích thực tế 147,3m²), thửa đất số 32a (32), tờ bản đồ 38 (02) tại Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh H có quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2.3. *Về nghĩa vụ thanh toán:* Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị T số tiền 289.084.000đ (*Hai trăm tám mươi chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng*), sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.4. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Tổng cộng là 7.700.000đ. Chị T tự nguyện chịu số tiền 4.000.000đ, anh H tự nguyện chịu số tiền 3.700.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 7.700.000đ nên anh H phải thanh toán lại cho chị T số tiền 3.700.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.5. *Về án phí:*

+ Chị Mai Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia 461.884.000đ như sau: $[20.000.000đ + (4\% \times 61.884.000đ)] \times 50\% = 11.237.680đ$ (*Mười một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ theo biên lai số 0013342 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị T còn phải nộp 4.987.680đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia 461.884.000đ như sau: $[20.000.000đ + (4\% \times 61.884.000đ)] \times 50\% = 11.237.680đ$ (*Mười một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông